



## PHÍ, LỆ PHÍ VÀ LÃI SUẤT

### Thẻ Tín Dụng UOB, Tài Khoản Tín Dụng Linh Hoạt UOB CashPlus và Vay Tiêu Dùng UOB CashPlus

Có hiệu lực từ ngày 05/05/2025

Bảng phí chưa bao gồm thuế Giá Trị Gia Tăng (GTGT), nếu được áp dụng sẽ được tính riêng.

| Miêu tả                           | Thẻ UOB PRVI Miles                                                                                 | Thẻ UOB One   | Thẻ UOB World | Thẻ Lazada UOB | Tài Khoản Tín Dụng Linh Hoạt UOB CashPlus                                                                                                                                        | Vay Tiêu Dùng UOB CashPlus |
|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| Lãi suất                          | Không áp dụng nếu Tổng Khoản Thanh toán đến hạn được thanh toán trước/vào Ngày Đến hạn Thanh toán. |               |               |                | Tùy thuộc vào số tiền của mỗi khoản vay Tiêu dùng trên Tài khoản Tín dụng linh hoạt UOB CashPlus theo Quyết định của UOB và thỏa thuận giữa UOB và Quý khách vào từng thời điểm. |                            |
|                                   | 35%/năm                                                                                            |               |               |                |                                                                                                                                                                                  |                            |
| Lãi Suất Áp Dụng Cho Rút Tiền mặt | 35%/năm                                                                                            |               |               |                | Không áp dụng                                                                                                                                                                    |                            |
| Hạn Thanh Toán                    | Lên đến 17 ngày từ ngày sao kê                                                                     |               |               |                | 25 ngày từ Ngày sao kê                                                                                                                                                           |                            |
| Phí Thường Niên Cho Thẻ Chính***  | 1.500.000 VNĐ <sup>1</sup>                                                                         | 1.200.000 VNĐ | 700.000 VNĐ** | 700.000 VNĐ    | Không áp dụng                                                                                                                                                                    | Không áp dụng              |
| Phí Tham Gia Cho Thẻ Chính        | 1.500.000 VNĐ                                                                                      | 1.200.000 VNĐ | 700.000 VNĐ   | 700.000 VNĐ    | Không áp dụng                                                                                                                                                                    | Không áp dụng              |



|                                                                |                                                                                            |                         |               |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------|
| Phí Thường Niên Cho Thẻ Phụ                                    | Miễn phí                                                                                   |                         | Không áp dụng |
| Phí Chậm Thanh Toán                                            | 2% của Tổng khoản Thanh toán đến hạn (tối thiểu là 300.000 VNĐ và tối đa là 2.000.000 VNĐ) |                         | Miễn phí      |
| Phí Rút Tiền Mặt                                               | 3% (tối thiểu là 50.000 VNĐ)                                                               |                         | Không áp dụng |
| Phí chuyển đổi cho chương trình trả góp Giao Dịch UOB SmartPay | Thời Hạn                                                                                   | Phí Chuyển Đổi          | Không áp dụng |
|                                                                | 3                                                                                          | 3.50% giá trị giao dịch |               |
|                                                                | 6                                                                                          | 4.50% giá trị giao dịch |               |
|                                                                | 9                                                                                          | 6.00% giá trị giao dịch |               |
|                                                                | 12                                                                                         | 7.50% giá trị giao dịch |               |
| Lãi suất phạt                                                  | Không áp dụng                                                                              |                         | Không áp dụng |



|                                                                                                |                       |    |                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----|--------------------------------|
| Phí Giao Dịch Nước Ngoài                                                                       | 1.99%                 | 4% | Không áp dụng                  |
| Phí Giao Dịch Nội Tệ ở Nước Ngoài*                                                             | 0,8%                  |    | Không áp dụng                  |
| Phí Vượt Hạn Mức Tín Dụng                                                                      | Không áp dụng         |    | Không áp dụng                  |
| Phí Cấp Lại Thẻ                                                                                | 100.000 VNĐ           |    | Không áp dụng                  |
| Phí Thu Nợ Tự Động Không Thành Công                                                            | Không áp dụng         |    | Không áp dụng                  |
| Phí Cấp Lại Sao Kê                                                                             | Không áp dụng         |    | Không áp dụng                  |
| Phí Trả Nợ Vay Trước Hạn                                                                       | Không áp dụng         |    | 4% của tổng dư nợ gốc hiện tại |
| Phí Tất Toán Trước Hạn Của Phương Thức Thanh Toán Của Chương trình trả góp Sao Kê UOB SmartPay | 3% của tổng dư nợ gốc |    | Không áp dụng                  |
| Hạn Mức Tiền Mặt                                                                               | 50% hạn mức tín dụng  |    | Không áp dụng                  |



|                    |                       |               |
|--------------------|-----------------------|---------------|
| Hạn Mức Thanh Toán | 100% hạn mức tín dụng | Không áp dụng |
|--------------------|-----------------------|---------------|

Đối với Thẻ Tín Dụng Đã Đóng (còn được gọi là “Legacy Closed Credit Card”), Lãi Suất, Lãi Suất áp dụng cho Rút tiền mặt, Phí Chậm Thanh Toán, Hạn Thanh Toán và Phí Tắt Toán Trước Hạn của Phương Thức Thanh Toán của Chương trình trả góp Sao Kê UOB SmartPay sẽ được áp dụng theo chính sách Phí, Lệ Phí và Lãi Suất như đối với các Thẻ Tín Dụng Citi khác.

(\*) Cho cùng một giao dịch tại nước ngoài chỉ áp dụng Phí Giao Dịch Nước Ngoài hoặc Phí Giao Dịch Nội Tệ ở Nước Ngoài, tùy thuộc vào loại tiền tệ được chọn. Tỷ giá áp dụng cho Phí Giao dịch Nội tệ ở Nước Ngoài được ấn định bởi bên bán liên quan có thể cao hơn tỷ giá ấn định bởi Tổ chức Thẻ quốc tế khi Quý khách thanh toán bằng ngoại tệ. Quý khách nên xem xét các mức tỷ giá như trên mỗi khi quyết định sử dụng thiết bị chuyển đổi ngoại tệ linh hoạt.

Lưu ý: Giao Dịch Nội Tệ ở Nước Ngoài là dịch vụ tài chính được cung cấp bởi các bên bán tại nước ngoài cho phép các giao dịch quốc tế được thanh toán bằng tiền tệ của quốc gia nơi thẻ được mở. Giao dịch thẻ sử dụng dịch vụ này để thanh toán sẽ bị tính phí Phí Giao Dịch Nội Tệ ở Nước Ngoài.

(\*\*) Phí 700.000 VNĐ được áp dụng đối với thẻ được mở sau ngày 01/09/2017. Với thẻ mở trước ngày 01/09/2017, phí 800.000 VNĐ vẫn được áp dụng.

(\*\*\*) Đối với thẻ UOB PRVI Miles, thẻ UOB One, thẻ UOB World và thẻ Lazada UOB, phí thường niên năm đầu sẽ được miễn.

<sup>1</sup> Phí Thường Niên 1.500.000 VNĐ được áp dụng đối với thẻ đăng ký từ ngày 03/01/2023 hoặc trước ngày 27/09/2019. Với thẻ đăng ký từ ngày 27/09/2019 tới trước ngày 03/01/2023, Phí Thường Niên 2.700.000 VNĐ được áp dụng.

### **Lưu ý quan trọng:**

Xin vui lòng lưu ý rằng Phí Tham Gia, là chi phí trả một lần và không hoàn lại, phí này sẽ được tính khi được cấp Thẻ Tín Dụng vào thời điểm tham gia và được yêu cầu thanh toán khi thẻ được kích hoạt.

Phí Thường Niên được tính mỗi năm và yêu cầu thanh toán trong kỳ sao kê đầu tiên của mỗi năm. Phí Thường Niên của năm đầu tiên không áp dụng. Phí Thường Niên bao gồm cho việc cung cấp các dịch vụ chống gian lận, tin nhắn thông báo giao dịch qua điện thoại, các dịch vụ trực tuyến, chương trình ưu đãi và giảm giá khi sử dụng thẻ, chương trình quà tặng.

Phí Thường Niên sẽ được yêu cầu thanh toán trong sao kê cho thẻ, kể cả khi thẻ chưa được kích hoạt.

Lãi suất trên được giả định 365 ngày mỗi năm. Lãi suất hàng ngày được tính bằng cách chia lãi suất hàng năm cho 365 ngày. Tất cả các lãi suất được tính mỗi ngày theo số ngày thực tế.